

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20/7/2022

*"V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị T

2. Ông Lương Văn K

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị P – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Đ - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị D**, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên “*có đơn xin vắng mặt*”.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Hải D1**, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên; “*có đơn xin vắng mặt*”.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu **Vũ Trường P**, sinh ngày 29/10/2016;

- Cháu **Vũ Minh K**, sinh ngày 25/4/2018

Đều có HKTT: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu P, K: Anh Vũ Hải D1 và chị Hoàng Thị D là bố mẹ đẻ của các cháu.

4. Những người tham gia tố tụng khác:

- Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1946 (là mẹ đẻ anh D1) “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972 (là bố đẻ chị D). “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hải D1, sinh năm 1986; SQ: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 18/3/2016 theo quy định của pháp luật. Anh chị cũng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Cưới xong chị D không chuyển khẩu nhưng vẫn về sống với gia đình anh D1. Hằng ngày, chị đi làm tại trạm Y tế xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên nhưng sáng đi tối về. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều bất hòa, anh D1 thường xuyên đánh đập và xúc phạm chị. Nhiều lần như vậy chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn vì gia đình, vì các con hy vọng anh D1 thay đổi. Đến tháng 4/2022 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cứ mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau thì anh D1 lại dùng vũ lực đối với chị. Đến ngày 26/4/2022 anh D1 lại đánh chị với thương tích thâm tím cả hai mắt. Anh D1 bỏ ngoài tai những lời van xin của chị D và sự can ngăn của mẹ chồng chị. Anh D1 đánh đập chị trước sự chứng kiến và can ngăn của mẹ đẻ anh D1. Do bảo vệ chị mà có lần mẹ chồng đã phải đỡ đòn cho chị. Việc anh D1 đánh đập bạo hành chị, chị đã trình báo chính quyền địa phương và yêu cầu địa phương can thiệp. Hiện nay, chị đã về sống với bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Anh chị đã được gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh D1 chỉ hứa chứ không có sự thay đổi. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng. Vụ việc ly hôn giữa chị và anh D1 đã được hòa giải tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án huyện T nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh D1, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1 để ổn định cuộc sống và tính mạng của chị không bị đe dọa.

- **Về con chung:** Chị D xác định, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Vũ Trường P, sinh ngày 29/10/2016 và Vũ Minh K, sinh ngày 25/4/2018.

Hiện nay cháu P đang ở với chị D, cháu K đang ở với anh D1. Với điều kiện hiện tại của chị không có chỗ ở ổn định, với đồng lương của một nhân viên y tế tại Trạm y tế xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên là 4.050.000đồng/tháng ngoài ra không có thêm nguồn thu nhập nào khác thì không thể đảm bảo được cuộc sống cho hai cháu được. Nay vợ chồng ly hôn, chị xét thấy với điều kiện hiện tại của chị chỉ có thể chăm sóc, nuôi dưỡng được một cháu nên chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P. Đề nghị Tòa án giao cho anh D1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị và anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng cả hai đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có, chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Các lời khai của anh D1 trong quá trình giải quyết vụ án: Anh D1 thống nhất với chị D về thời điểm kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022 anh D1 xác định trong cuộc sống của mỗi gia đình không thể tránh khỏi những va chạm và gia đình anh cũng vậy. Mọi va chạm xuất phát từ nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Với tính tình của anh hay nóng nảy, chị D lại không chịu nhịn nên đã có vài ba lần anh không kiểm soát được hành động của mình và đã đánh đập chị D gây thương tích. Lần xô sát trầm trọng nhất là vào cuối tháng 4/2022 chị D đi làm về và anh D1 nhìn thấy đồng nghiệp của chị D chở về. Do quá thương yêu vợ nên anh đã ghen và hoài nghi tình cảm của chị D, anh chị lời qua tiếng lại, xô sát khiến chị D thâm tím mặt và mắt. Nhưng đó chỉ là vì anh luôn yêu thương vợ. Chị D đã giận anh và bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 28/4/2022. Anh D1 rất ân hận và biết bản thân làm như vậy là sai. Anh mong chị D tha thứ cho anh. Anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị D nên xin được đoàn tụ. Nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn thì anh D1 phải chấp nhận và tùy chị D quyết định. Đến ngày 09/6/2022 anh D1 trình bày, anh đã xin chị D tha thứ để anh có cơ hội thay đổi, hy vọng giữ gìn hạnh phúc gia đình, vợ chồng tập trung nuôi dạy con cái nhưng anh nhận thấy chị D thực sự không còn tình cảm với anh và cương quyết ly hôn. Anh cũng không muốn níu kéo một hôn nhân không có hạnh phúc, một hôn nhân mà vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm, chia sẻ được với nhau. Anh chị đã sống ly thân nên anh tự nguyện đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- **Về con chung:** Anh và chị D có 02 con chung là các cháu Vũ Trường P, sinh ngày 29/10/2016 và Vũ Minh K, sinh ngày 25/4/2018. Hiện nay cháu P đang ở với chị D, cháu K đang ở với anh. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D nhưng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy:** Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình làm việc với Tòa án anh D1 ghi bản trình bày quan điểm ý kiến, trình bày lời khai của mình. Trong các biên bản lấy lời khai anh D1 đều xác nhận bằng việc ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/6/2022, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành lấy lời khai, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh D1 được đọc lại các biên bản nói trên, anh D1 đồng ý với nội dung mình đã trình bày trong các biên bản đúng với quan điểm của mình nhưng anh không ký tên vào các biên bản làm việc ngày hôm đó.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị N (mẹ đẻ anh D1) và ông Hoàng Văn T (bố đẻ chị D) đều xác định hôn nhân giữa anh D1 và chị D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xô sát từ lâu. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong các mối quan hệ bạn bè, anh D1 ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh D1 nóng giận đã xúc phạm danh dự nhân phẩm, đánh đập, gây thương tích cho chị D. Chị D đã cố gắng bỏ qua cho anh D1 nhiều lần nhưng anh D1 không thay đổi mà còn gây thương tích cho chị D nhiều hơn. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo anh chị nhưng không được. Đến nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị D thì quan điểm của bà N cũng như của ông T đều tôn trọng ý kiến của chị D, anh D1.

Xác minh tại UBND xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Chị D, anh D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 ngày 18/3/2016 theo quy định của pháp luật; Về tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh D1: UBND xã được biết quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh D1 có nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không chia sẻ, thông cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát. Anh D1 đã dùng vũ lực với

chị D. Chị D đã báo chính quyền địa phương về hành động bạo lực của anh D1 đối với chị. Do không chịu đựng được bạo lực và áp lực gia đình nên chị D đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5 năm 2022, hiện anh chị đã sống ly thân. Nay chị Hoàng Thị D có đơn xin ly hôn với anh Vũ Hải D1, quan điểm của UBND xã H1, huyện T là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Hoàng Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa công bố bản tự khai và biên bản ghi lời khai của chị D. Về tình cảm: Chị xin ly hôn anh D1; Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Vũ Trường P. Đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Minh K cho anh D1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau; Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Hải D1 cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa công bố bản tự khai, lời khai của anh D1. Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn với chị D; Về con chung: Anh D1 đề nghị Tòa án giao hai cháu Vũ Trường P và cháu Vũ Minh K cho chị D nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D; Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh D1 đều xác định không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D. Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vũ Hải D1.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là các cháu Vũ Trường P, sinh ngày 29/10/2016 và Vũ Minh K, sinh ngày 25/4/2018.

Đề nghị giao cháu Vũ Trường P cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Giao cháu Vũ Minh K cho anh D1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D, anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng anh chị đều được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1].Về tố tụng: Chị Hoàng Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Hải D1 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị D, anh D1 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử nên Toà án xét xử vắng mặt chị D, anh D1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D1 tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016 ngày 18/3/2016. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không cảm thông, chia sẻ, không cùng nhau tháo gỡ các vấn đề trong cuộc sống, bản thân anh D1 tính nóng nảy không bình tĩnh xem xét giải quyết mâu thuẫn giữa anh và chị D mà còn ghen tuông và cho rằng chị D có quan hệ tình cảm với đồng nghiệp. Anh D1 không cho chị D cơ hội giải thích để vợ chồng có thể hiểu nhau hơn mà anh đã có lời lẽ xúc phạm danh dự và nhiều lần bạo hành, đánh chị D gây thương tích dưới sự chứng kiến và can ngăn của bà Đoàn Thị N là mẹ đẻ anh D1. Lần gần đây nhất là vào cuối tháng 4 năm 2022 anh D1 đánh đập, bạo hành chị gây thâm tím vùng mặt và mắt, đầu nên chị đã trình báo chính quyền địa phương và yêu cầu địa phương can thiệp. Do tính mạng của chị bị đe dọa nên chị đã về sống với bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, chị D cũng nhiều lần cho anh cơ hội sửa sai mong vợ chồng sống hạnh phúc để nuôi dạy con nhưng anh D1 chỉ hứa chứ không có sự thay đổi mà còn thô bạo với chị hơn trước, trong các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải anh D1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị D xin ly hôn, HĐXX thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D, HĐXX sẽ cho chị được ly hôn anh D1.

[3].Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Vũ Trường P, sinh ngày 29/10/2016 và Vũ Minh K, sinh ngày 25/4/2018. Hiện nay cháu P đang ở với chị D, cháu K đang ở với anh D1. Chị D trình bày hiện tại chị không có chỗ ở ổn định, thu nhập 4.050.000đồng/ tháng. Với điều kiện như vậy chị không thể đảm bảo được cuộc sống của bản thân và hai con nên quan

điểm của chị xin được nuôi dưỡng cháu P và đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh D1. Anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Quan điểm của anh D1 đề nghị Tòa án giao hai cháu P và K cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D.

Xét đề nghị của các bên đương sự thì quan điểm của chị D là hoàn toàn hợp lý và đảm bảo được cuộc sống về thể chất, tinh thần cho cả hai cháu P và K. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Vũ Trường P cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Minh K cho anh D1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu P, K đủ 18 tuổi. Chị D, anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh chị đều được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4].Về tài sản, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5].Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vũ Hải D1;

- **Về con chung:** Giao cháu Vũ Trường P, sinh ngày 29/10/2016 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Vũ Hải D1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời gian tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu P và K đủ 18 tuổi. Chị D, anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung

với nhau. Chị D, anh D1 đều được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004554 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N